

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 123**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không**

**Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010**

**Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giáo chánh: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi ba, dòng thứ sáu từ dưới đếm lên.

“*Hoa Nghiêm kinh hựu vân*” (kinh Hoa Nghiêm lại nói), xem từ chỗ này, “*nhất thiết tị tại nan tư nghị, Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố*” (Hết thấy tị tại khó nghĩ bàn là do thế lực của Hoa Nghiêm tam-muội). “*Hựu Hợp Tán viết: - Pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm. Dĩ nhân hạnh hoa, nghiêm quả đức tướng, linh hiển trước cố. Nhập thủ tam-muội, hiện kiến thập phương Phật cập Phật độ*” (Sách Hợp Tán lại nói: “Pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm. Dùng hoa nhân hạnh trang nghiêm khiến cho tướng trạng của quả đức được hiển hiện. Nhập tam-muội này sẽ thấy mười phương Phật và các cõi Phật trong hiện tại”). Vẫn là dùng kinh luận để giải thích Hoa Nghiêm tam-muội. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải bộ đại kinh này, trích dẫn một trăm chín mươi ba bộ kinh luận, nên chúng ta đọc bản chú giải của cụ, cũng giống như xem hơn một trăm bộ kinh luận. Những văn tự có liên quan đến kinh Vô Lượng Thọ ở đây đều là tinh yếu, cốt lõi, ở chỗ này chúng ta có thể thấy được! Ở đây, cụ trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để nói, hai câu sau đây là kinh văn: “*Nhất thiết tị tại nan tư nghị, Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố*”. Trong phần trước, chúng ta đã học Hoa Nghiêm tam-muội dùng Nhất Chân pháp giới làm duyên khởi vô tận, đó là lý luận và chỗ quy thú của nó. Thông đạt, hiểu rõ, nương theo đó để thực hiện, nương theo lý luận, phương hướng, và mục tiêu ấy để xử sự, chúng ta thường nói là “tu hành”. Đó là tam-muội, [tam-muội ấy] được gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Do đó, đặc Hoa Nghiêm tam-muội thì hết thấy tị tại, vì sao? Thể của Hoa Nghiêm tam-muội là Nhất Chân pháp giới, là vô tận duyên khởi, nói theo cách hiện thời là toàn thể vũ trụ. Bất luận tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả, không gì chẳng thông đạt, chẳng có gì không hiểu rõ, nên người ấy mới đặc tị tại. Vì vậy, chúng ta có thể biết: Chẳng tị tại là vì đâu? Do mê mất tị tánh.

Lục đạo phàm phu chúng ta, cho đến các vị tiểu thánh trong tứ thánh pháp giới, đều chưa khai ngộ. Hoa Nghiêm tam-muội là cảnh giới đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chưa khai ngộ là phàm phu, ở trong lục đạo; trong pháp Đại Thừa, những người ấy được gọi là “*nội phàm*”, do còn ở trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới được gọi là “*ngoại phàm*”, ở ngoài lục đạo. Vì sao gọi họ là phàm phu? Chưa kiến tánh, vẫn dùng vọng tâm y như cũ. Vọng tâm là A Lại Da, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bất quá,

họ sử dụng [vọng tâm] thù thắng hơn chúng ta. Chúng ta mê mà bất giác, lại không tin lời Phật, Bồ Tát, hoàn toàn cậy vào phiền não tập khí của chính mình để xử sự; trên thực tế, xử sự kiêu đố bèn tạo nên oan nghiệt. Tứ thánh pháp giới tuy dùng vọng tâm, nhưng họ tin Phật. Tôi dùng chữ này, các đồng học phải lưu ý, tức là chúng ta không tin Phật, họ tin Phật. Vì sao? Họ nghe theo giáo huấn của đức Phật, thật sự hành. Còn chúng ta hằng ngày nghe Phật dạy, nghe cũng đã nhầm tai, chẳng thật sự hành. Dẫu có hành thì cũng bớt xén rất lớn! Ví dụ như điều cơ bản nhất là Thập Thiện Nghiệp Đạo, đây là giáo huấn cơ sở của đức Phật, học Phật là học từ chỗ nào? Học bắt đầu từ chỗ này, chúng ta có làm được hay không? Đức Phật dạy chúng ta đừng sát sanh, chúng ta có làm được hay không? [Quý vị khoe] “ta không sát sanh”, nhưng muỗi đến chích quý vị, chẳng phải là quý vị đập nó chết tươi ư? Nếu quý vị đánh chết nó thì chẳng phải là đã sát sanh rồi hay sao? Lại hỏi chúng ta có ăn thịt hay không? Ăn thịt cũng là sát sanh. Chúng ta có ý niệm tổn hại kẻ khác hay không? Có ý niệm tổn hại người khác chính là ý niệm sát sanh, tức là quý vị chẳng đoan dứt sát tâm, còn có ý niệm làm tổn hại người khác. Đối với trộm cắp, chúng ta không trộm cắp, nhưng có ý niệm chiếm tiện nghi hay không? Quốc dân đóng thuế cho quốc gia là nghĩa vụ, là chuyện đáng nên làm, chúng ta có hy vọng phải nộp thuế ít hơn một chút, tìm văn bản pháp luật xem có chỗ nào để có thể trốn thuế hay không để chúng ta đóng thuế ít hơn một chút, tâm niệm ấy là tâm trộm cắp. Tuy chẳng trộm cắp, nhưng quý vị có tâm trộm cắp, có ý niệm trộm cắp. Vì thế, mỗi điều đều rất vi tế, chúng ta dường như không làm, nhưng suy nghĩ kỹ, tất cả đều phạm, đó là gì? Đó là lục đạo phạm phũ.

Những vị trong tứ thánh pháp giới thật sự làm được. Không chỉ làm được, mà còn làm vô cùng vi tế. Thánh nhân Tiểu Thừa, chúng ta thấy A La Hán và Bích Chi Phật, hai loại trước trong tứ thánh pháp giới là Tiểu Thừa, hai loại sau là Đại Thừa, tức Bồ Tát và Phật, Tiểu Thừa có thể triển khai Thập Thiện Nghiệp Đạo thành ba ngàn điều, chẳng phải là mười điều. Mười điều triển khai thành ba ngàn điều, tức ba ngàn oai nghi. Bồ Tát pháp giới và Phật pháp giới càng thù thắng hơn, các Ngài triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh<sup>1</sup>. Đó là trong mười pháp giới, chưa thoát khỏi mười pháp giới, là ngoại phạm, nhưng các Ngài làm được. Tứ thánh pháp giới thật sự là đệ tử của đức Phật. Do vậy, có thể biết: Trong Nhất Chân pháp giới, ở đây nói là “Nhất Chân pháp giới”, các vị Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới đều đắc Hoa Nghiêm tam-muội. Thập Thiện Nghiệp Đạo được triển khai không phải là tám vạn bốn ngàn, mà là vô lượng, vô biên,

---

1 “Tám vạn bốn ngàn tế hạnh” chỉ là cách nói tượng trưng nhằm tiêu biểu vô lượng oai nghi, tế hạnh. Nếu hiểu theo Pháp Tướng (như cách giải thích trong bộ Tam Tạng Pháp Số) thì đối với 250 giới của hàng tỳ-kheo, mỗi giới đều bao gồm bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi nên  $250 \times 4 = 1.000$ . Phối hợp một ngàn tế hạnh ấy với Tam Tự Tịnh Giới thành  $1.000 \times 3 = 3.000$ . Lại phối hợp ba ngàn hạnh ấy với bảy điều giết, trộm, dâm, dối, lường thiệt, ác khẩu, vọng ngữ, ý ngữ thành  $3.000 \times 7 = 21.000$ , lại phối hợp với tham, sân, si, đặng phần thành  $21.000 \times 4 = 84.000$  tế hạnh.

vô số, vô tận, đạt tới viên mãn rất ráo. Vì thế, “nhất thiết tự tại nan tư nghị” (hết thầy tự tại khó nghĩ bàn), chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Đó là gì? “*Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố*” (do thế lực của Hoa Nghiêm tam-muội). Các Ngài chứng đắc Hoa Nghiêm tam-muội, nên mới có sự thù thắng như vậy. Tự tại là giải thoát, trong Phật quả nói đến ba đức là Bát Nhã, Pháp Thân, Giải Thoát, [các Ngài] đều chứng đắc ba thứ ấy viên mãn.

Trong sách Hợp Tán có nói khá cặn kẽ: “*Pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm*” (pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm). Pháp giới là hết thầy các pháp, hết thầy các pháp do đâu mà có? Kinh Hoa Nghiêm đã dạy chúng ta: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tánh - Tướng nói theo cách hiện thời thì Tánh là hiện tượng tinh thần, Tướng là hiện tượng vật chất. Trong kinh Phật, thường dùng Ngũ Uẩn để hình dung và thuyết minh. Ngũ Uẩn gồm năm điều, tức năm pháp. Thứ nhất là Sắc, Sắc là nói tới vật chất. Bất luận trong tình huống nào, dù là chất rắn, chất lỏng, hay chất khí, nói chung, nó là vật chất, đều là Tướng Phần của A Lại Da. Hiện tượng tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nó cảm thụ, nó có cảm nhận. Cũng có thể nói là nó có các thứ cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ. Vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng thể tách rời, chúng kết hợp cùng một chỗ, nên hiện tượng vật chất nào cũng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Quý vị thấy tiên sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, nước là khoáng vật, thật sự thí nghiệm thấy nước có thể nhìn, nghe, và hiểu ý nghĩ của con người. Chúng ta đối xử tốt đẹp với nó, nó có thể cảm nhận, nó rất vui sướng, rất hoan hỷ. Chúng ta đối xử với nó không tốt, nó rất khổ não, nó có thể hiện ra hình tướng cho chúng ta thấy. Chúng ta xử tốt với nó, nói: “Chúng tôi rất ưa thích người, rất mến người”, nó phản ứng vô cùng đẹp đẽ. Chúng ta nói “tao ghét mày, tao chẳng ưa mày”, nó phản ứng rất xấu xí. Điều này cho thấy nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nói theo kiểu của người hiện thời, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng! Trong bất cứ hiện tượng vật chất nào, cũng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Pháp giới duy tâm, đó là “*Phật Hoa Nghiêm*”.

“*Dĩ nhân hạnh hoa*” (do coi hạnh trong lúc tu nhân là hoa), Hoa tượng trưng cho cái nhân, Nghiêm biểu thị cái quả. Đây là dùng thực vật để tỷ dụ, quý vị thấy thực vật nở hoa trước, kết quả sau. Trong sự cúng dường của chúng ta, tức là sự cúng dường trong Phật pháp, hương và hoa thường được dùng nhất. Kẻ bình phàm chỉ biết thấp hương, dùng hoa tươi cúng Phật; thật ra, phải hiểu ý nghĩa của nó. Chẳng hiểu ý nghĩa của nó, sẽ là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất. Thực chất quan trọng hơn hình thức, chúng ta phải biết điều này! Phật pháp, trọng thực chất, chẳng trọng hình thức. Do vậy, cá nhân chúng ta tu hành, hãy nên trọng thực chất, đừng trọng hình thức, nhưng ở chung với đại chúng, hình thức rất quan trọng, vì sao? Biểu thị pháp. Chúng ta cùng đại chúng cộng tu trong Phật đường, trước hình tượng Phật, Bồ Tát, phải cúng hương, hoa, chứ riêng mình tu hành thì chẳng cần thiết. Một nén hương là đủ rồi, hương, đèn, nước, một chén nước, khi bản thân chúng ta tu học [chỉ cần như vậy] là được rồi. Hương tượng

trung cho Tín, tín hương, đại biểu Giới, Định. Quý vị thấy trong bài Hương Tán có câu “*Giới Định chân hương*”, biểu thị điều này. Do vậy có thể biết: Hương là hình tướng, thực chất là gì? Thực chất là Giới, Định. Nếu chúng ta chẳng có Giới, chẳng có Định, chỉ là một nén hương suông, tức là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất. Hương nhắc nhở chính mình phải tu Giới - Định, và cũng nhắc nhở người khác, nó có ý nghĩa ấy. Cúng hoa, hoa biểu thị sự tu nhân, nhân gì vậy? Lục Độ là nhân, bổ thí, trì giới. Trong trì giới, Thập Thiện là nhân. Do vậy, chúng ta chú trọng tu nhân. Chẳng cúng hoa không sao cả, chúng ta thật sự tu hành là tu nhân, tu Thập Thiện, tu Lục Độ, đó là ý nghĩa của việc cúng hoa. Không cúng hoa, nhưng chúng ta đã đạt được ý nghĩa ấy, tức là có thực chất, chẳng có hình thức; điều này rất trọng yếu, hình thức chẳng trọng yếu. Chúng ta cúng trái cây, trái cây biểu thị phương hướng và mục tiêu tu hành, trái cây tượng trưng điều gì? Tượng trưng Bồ Đề, tượng trưng Niết Bàn. Chúng ta tu Tịnh Độ, quả ấy biểu thị Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm niệm chẳng quên, mang ý nghĩa này. Do vậy, hương và hoa là nhân, hoa nhân hạnh cảm quả đức, “*trang nghiêm*” là quả đức. Đối với tự thân, quả đức là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” như trong kinh đã nói, đó là quả, nâng cao cảnh giới của chính mình, trang nghiêm quả đức. “*Linh hiển trước cổ*” (khiến cho hiển hiện), cổ nhân Trung Quốc nói: “*Tôn ư nội, nhi hình ư ngoại*” (chất chứa bên trong, sẽ thể hiện ra bên ngoài). Trong tâm quý vị có thanh tịnh, bình đẳng, giác, liền hiện ra ngoài. Trong tâm người ta hoan hỷ, quý vị sẽ thấy vẻ mặt tươi cười. Người mang nỗi âu lo, quý vị thấy sắc mặt họ rất khó coi, đó là biểu hiện ra ngoài. Do vậy, nếu tâm địa quý vị thanh tịnh, tướng thanh tịnh liền hiện tiền; bình đẳng thì tướng bình đẳng cũng sẽ hiện ra, đó là “*quả đức hiển trước*” (quả đức hiển lộ).

“*Nhập thử tam-muội*” (nhập tam-muội này), “*nhập*” là khế nhập, quý vị chứng đắc, tu thành. Quả là “*hiện kiến thập phương Phật cập Phật độ*” (thấy thập phương Phật và cõi Phật trong hiện tại). “*Hiện*” (現) là hiện tiền (現前). Trong hiện tiền, quý vị thấy mười phương chư Phật, thấy Phật. Quý vị cũng thấy các cõi nước của mười phương chư Phật. Mười phương Phật là thầy của chúng ta. Mười phương cõi Phật là đạo tràng tu hành của chúng ta. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, lão nhân gia suốt đời chẳng kiến lập đạo tràng, vì sao chẳng dựng đạo tràng? Nơi nơi chốn chốn đều là các cõi nước của mười phương chư Phật, chính mình cần gì phải tự xây đạo tràng? Chính mình dựng đạo tràng, tam-muội rất khó hiện tiền, vì sao? Quý vị có phân biệt, có chấp trước, tâm quý vị không thanh tịnh, tâm quý vị bất bình đẳng, chẳng buông tập khí phiền não xuống được. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta một chiêu này vô cùng cao minh, bỏ sạch hết thầy, chẳng mảy may lưu luyện thế gian này. Tự hành, hóa tha, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, nơi nào có duyên bèn đến đó, kết pháp duyên với hết thầy chúng sanh. Nghĩa lý trong kinh văn rộng lớn, chẳng có ngăn mé, đâu đâu cũng đều có thể thấy. Ở chỗ này, chúng tôi nói đến đây, phía sau còn bổ sung rất nhiều điều.

“*Hựu Gia Tường Sớ viết: Thử tam-muội giai súc Pháp Thân, cố vân Hoa Nghiêm*” (Gia Tường Sớ lại giảng: “Tam-muội này đều dùng để trang hoàng Pháp Thân, nên gọi là Hoa Nghiêm”). Trong chữ Hoa Nghiêm (華嚴), Hoa là hoa lệ (華麗: rực rỡ, lộng lẫy), Nghiêm là trang nghiêm. Quý vị thấy bọn chúng ta tham dự tiệc tùng, mặc lễ phục, đeo chuỗi châu ngọc. Đó là trang nghiêm, vậy thì Hoa Nghiêm là dùng tỷ dụ ấy. Dùng gì để trang nghiêm? Dùng tam-muội, dùng Hoa Nghiêm tam-muội để trang hoàng Pháp Thân, đó là Hoa Nghiêm. Chúng ta xem câu tiếp theo, câu này do cụ Niệm Tô giảng: “*Nhân thử tam-muội, trang nghiêm Pháp Thân cố, dĩ thượng chư thuyết, giai minh Hoa Nghiêm tam-muội chi nghĩa*” (Do tam-muội này trang nghiêm Pháp Thân, nên các thuyết như trên đều giảng rõ ý nghĩa của Hoa Nghiêm tam-muội), đều là ý nghĩa của Hoa Nghiêm tam-muội, tam-muội này có thể trang nghiêm Pháp Thân. Pháp Thân là gì? “*Kỳ trung Hợp Tán sở vị ‘pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm’; thử biểu Nhất Chân pháp giới duy thị tự tâm, vu thử liễu đạt, tức Hoa Nghiêm tam-muội*” (Trong ấy, thuyết “pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm” của sách Hợp Tán biểu thị: Nhất Chân pháp giới chỉ là tự tâm. Thấu đạt được điều này thì đó chính là Hoa Nghiêm tam-muội). Cách giảng này rất hay. Nhất Chân pháp giới, nói thật với quý vị, Chân là gì? Theo định nghĩa trong giáo pháp Đại Thừa, hễ nói tới Chân thì nó là tồn tại vĩnh hằng, bất sanh, bất diệt, vĩnh hằng bất biến, đó là Chân. Chúng ta hãy suy nghĩ, vạn sự vạn vật trong vũ trụ, thứ gì là bất biến? Con người chúng ta, người sống trong thế giới này có sanh, lão, bệnh, tử, biến đổi trong từng sát-na. Con người già đi, chẳng phải là mười năm sau già hơn mười năm trước, chẳng phải vậy, mà là mỗi năm một già hơn! Nếu quý vị xét kỹ, mỗi tháng một già hơn, mỗi ngày một già hơn. Nói thật với quý vị, mỗi giây một già hơn, giây trước còn trẻ trung, giây sau đã già khòm. Sát-na chẳng trụ, chẳng ngưng nghỉ, luôn biến hóa, đó là giả, chẳng thật. Đức Phật dạy chúng ta đạo lý này, [hễ thứ nào] có hiện tượng ấy (hiện tượng sanh diệt, biến hóa), quý vị liền biết nó là giả, chẳng thật!

Chúng ta thấy hoa cỏ, cây cối bên ngoài, hoa, cỏ, cây cối cũng là vô thường. Hoa nở, hoa tàn, Xuân sanh thành, Hạ tăng trưởng, mùa Thu lá cây úa vàng, mùa Đông trút lá. Vì thế, nó cũng là vô thường, chẳng thật, là giả. Lại nhìn đến khoáng vật, núi, sông, đại địa cũng là vô thường, cũng biến hóa trong từng sát-na; vì thế, biển xanh nương dâu! Quý vị chú tâm quan sát, [sẽ thấy] toàn thể vũ trụ đều biến hóa. Ban đêm chúng ta thấy, lúc trời quang đăng nhìn lên không trung, vô lượng, vô số tinh cầu, bằng mắt thường, chúng ta có thể thấy ước chừng hơn sáu ngàn ngôi sao. Nếu dùng loại viễn vọng kính thông thường, ước chừng có thể thấy khoảng mười mấy vạn. Viễn vọng kính thiên văn thấy càng nhiều hơn. Những tinh cầu ấy có thành, trụ, hoại, không. Quan sát từ viễn vọng kính của đài thiên văn, ta thường thấy có những ngôi sao bùng nổ. Sau khi bùng nổ, chẳng còn thấy chúng nữa, chẳng còn nữa, đã tiêu mất rồi. Ta cũng phát hiện những ngôi sao mới xuất hiện, ở chỗ này vốn chẳng có ngôi sao nào, đột nhiên sáng bùng, có ngôi sao mới xuất hiện. Đó là tinh cầu có sanh, có diệt. Thông thường, qua viễn vọng

kính thiên văn, chẳng phải bằng dụng cụ tinh vi, chúng ta đã thấy tinh cầu sanh diệt. Vì thế, đức Phật nói thành, trụ, hoại, không, nói thế giới thành, trụ, hoại, không. Thứ gì bất biến? Đường như trọn chẳng tìm thấy!

Trên thân chúng ta, trên thân thể, thật sự có thứ bất diệt như vậy, nếu đức Phật không dạy rõ, chúng ta đều bỏ sót. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói với vua Ba Tư Nặc, vì vua Ba Tư Nặc hết sức đau đớn, tuổi mỗi năm một già hơn, già rồi sẽ chết, cảm nhận nỗi khổ vô thường. Đức Phật khai thị, hỏi nhà vua: “Bệ hạ mấy tuổi bèn thấy sông Hằng và thấy nước sông Hằng lần đầu?” Sông Hằng của Ấn Độ giống như Trường Giang (sông Dương Tử) hoặc Hoàng Hà của Trung Quốc, là một con sông rất lớn. Vua thưa: “Lúc ba tuổi”, mẹ dẫn nhà vua đi qua sông Hằng, biết đó là nước sông Hằng. Đức Phật liền hỏi nhà vua: “Khi bệ hạ mười ba tuổi, già hơn lúc ba tuổi phải không?” “Đúng thế!” “Lúc mười ba tuổi, cái thấy của bệ hạ so với cái thấy lúc ba tuổi có biến hóa hay không?” Vua thưa: “Chẳng biến hóa. Người già đi, nhưng theo trầm thấy, dường như chẳng có hiện tượng lão hóa”. Sau đó, hỏi vua từng mười năm một, hai mươi ba tuổi so với mười ba tuổi, ba mươi ba tuổi so với hai mươi ba tuổi, cuối cùng hỏi đến sáu mươi hai tuổi; năm đó, nhà vua sáu mươi hai tuổi. Sáu mươi hai tuổi đã già rồi. “Tuy đã già, tánh Thấy của bệ hạ có già hay không?” Chẳng già! Nay chúng ta nói là tuổi tác đã cao, mắt đã kém rồi, mắt già, hoa mắt là gì? Đó là công cụ của quý vị có vấn đề, chẳng phải là tánh Thấy có vấn đề! Đeo cặp kính vào, lại thấy rõ ràng. Do vậy có thể biết: Cái Thấy và tánh Thấy chẳng liên quan với nhau! Đó là [vấn đề nơi] công cụ, công cụ bị lão hóa, đeo mắt kính vào liền giống như thuở tuổi trẻ, chữ rất nhỏ vẫn có thể nhìn thấy. Đức Phật liền nói: “Thân thể của bệ hạ có lão hóa, nhưng tánh Thấy chẳng bị lão hóa”. Mỗi năm một già hơn, nhưng tánh Thấy chẳng bị lão hóa. Cái chẳng già là thật, nơi mắt gọi là Thấy, tánh Thấy; nó chẳng có sanh diệt, chẳng có hiện tượng lão hóa. Nơi tai gọi là Nghe, tánh Nghe. Căn tánh của sáu căn là thật; căn tánh của sáu căn là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Nó có sự liễu biệt, nhưng chẳng phân biệt. Liễu (了) là hiểu rõ, [liễu biệt là] thấy rất rõ ràng, nghe rất rõ ràng, chứng tỏ căn tánh của sáu căn là thật. Sau khi thấy, bèn phân biệt, chấp trước, đó là vọng tâm. Vọng tâm thuận theo chân tâm, đồng thời khởi tác dụng, nhưng vọng là vọng, chân là chân. Vọng có sanh diệt, chân chẳng có sanh diệt. Đoạn kinh văn ấy nói rất dài, vua Ba Tư Nặc nghe hiểu, hết sức hoan hỷ, biết trong cái thân sanh diệt này của chính mình vẫn có một thứ bất sanh bất diệt tồn tại. Cái chẳng sanh diệt ấy là cái ta thật sự, được gọi là Pháp Thân. Pháp Thân là căn tánh của sáu căn, Pháp Thân là chân tâm, bất sanh, bất diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng đến, chẳng đi.

Do vậy, ở đây nói là “*Nhất Chân pháp giới chỉ là tự tâm*”, tâm hiện mà! Các tướng được hiện bởi tâm, phải hiểu tướng là giả, và cái tâm có thể hiện (năng hiện) ấy là thật, tướng được hiện là giả. Chân và vọng tuy hòa hợp, nhưng chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, nhất định phải hiểu rõ điều này. Kinh Đại Thừa lại nói chân

và vọng chẳng hai, có nghĩa là gì? “Chân và vọng chẳng hai” là nói hai thứ đều chẳng tồn tại. Chân chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng không phải là hiện tượng tinh thần, lục căn chẳng tiếp xúc được! Có tánh Thấy hay không? Có, khẳng định là có! Nếu chẳng có, làm sao nó có thể thấy được? Nó ở chỗ nào? Chẳng thấy được! Chuyện này cũng rất khó hiểu, nhưng cũng chẳng phải là rất khó hiểu, chúng tôi dùng tỷ dụ thì chư vị có thể hiểu được. Chúng tôi sánh ví chân tâm với điện đang được dùng trong hiện tại, mọi người bèn dễ hiểu. Điện là một vật, mà cũng là một thứ hiện tượng vật chất, nhưng trong các vật dụng khác nhau, nó khởi tác dụng khác nhau. Nơi TV, nó có thể hiện ra hình ảnh, giống như ở mắt thì chúng ta có thể thấy, ở tai bèn có thể nghe. Nơi điện thoại, nó có thể nghe âm thanh, vẫn là một thứ điện. Điện chẳng có hai, nhưng ở mỗi loại máy [bền khởi tác dụng] mỗi khác; vật dụng khác nhau, nó khởi tác dụng khác nhau. Khi nó ở chỗ máy lạnh, nó còn tỏa ra gió mát để hưởng thụ. Nơi lò nướng, nó có thể nấu nướng này nọ, hâm nóng thức ăn cho ta ăn. Công cụ khác nhau, nó sẽ khởi tác dụng không giống nhau. Chúng ta sánh ví điện như chân tâm, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là những công cụ khác nhau. Ở mắt, nó liền sanh ra tác dụng thấy, có thể thấy. Ở tai, nó có thể nghe, ở mũi, nó có thể ngửi, ở lưỡi, nó có thể nếm, nơi ý, nó có thể biết. Nơi các căn khác nhau, tức lục căn, nó khởi tác dụng khác nhau, thật ra, nó là một. Thứ này bất sanh, bất diệt, thứ này là thật. Cây vào giả để tu chân, hễ tu thì phải tu chân tâm, chỉ là tự tâm. Liễu đạt điều này bèn gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt chân tướng sự thật này, liền định ở nơi ấy. Tam-muội là ở chỗ này, chúng ta đã học trong phần trước, “nhất tâm chi trụ” (an trụ nơi nhất tâm) là tam-muội.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy người ta “bỏ thức dùng căn bèn thành Phật”. Vì sao phàm phu chẳng thành Phật, mà thành phàm phu? Họ dùng thức, chẳng biết dụng tâm. “Dụng tâm” là gì? Dụng tâm là dùng căn tánh của lục căn, căn tánh là tâm. Tâm và thức sai khác ở chỗ nào? Tâm chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, bất sanh, bất diệt; thức có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, sanh diệt trong từng sát-na. Dùng căn, chẳng dùng thức, là ai? Pháp Thân Bồ Tát, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, các Ngài thành Phật như thế nào? Các Ngài dùng căn, chẳng dùng thức, bèn thành Phật. Các Ngài dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Do chúng sanh trong mười pháp giới đều dùng thức, tức là nói họ có phân biệt, có chấp trước, có khởi tâm động niệm, lục đạo phàm phu có trọn vẹn những thứ ấy, toàn bộ ba thứ phiền não đều có. A La Hán và Bích Chi Phật đã đoạn Kiến Tư phiền não, tức là chẳng chấp trước. Do không chấp trước, nên đắc thanh tịnh tâm, nhưng chưa đạt được bình đẳng, chưa đạt được giác. Tiến cao hơn, Bồ Tát, Phật đoạn Trần Sa phiền não, cao hơn A La Hán, nhưng các Ngài còn có khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm là Vô Minh phiền não. Lại có thể đoạn trừ Vô Minh phiền não, tức là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước; khi ấy, các Ngài dùng gì? Các Ngài dùng căn tánh của sáu căn, chẳng dùng thức, đó là thành Phật, vượt thoát mười pháp giới. Các Ngài trụ nơi đâu? Các Ngài trụ

trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, cõi ấy gọi là Nhất Chân pháp giới. Chúng ta cúng trái cây trước Phật, trái cây tượng trưng Nhất Chân pháp giới, chúng ta hy vọng có thành tựu như vậy trong một đời. Vì vậy, nó biểu thị pháp, nhắc nhở chính mình, mà cũng nhắc nhở người khác, nhằm biểu thị pháp. Nói theo sách Hợp Tán, Hoa Nghiêm tam-muội là nhân quả trong tự tánh, chẳng phải là nói đến gì khác.

“*Như Gia Tường Sớ vân: Thử tam-muội giai sức Pháp Thân*” (Như Gia Tường Sớ nói: “Tam-muội này trang hoàng Pháp Thân”), Pháp Thân là tự tánh, “*cái vị thử tam-muội tất trang nghiêm Pháp Thân*” (có ý nói là tam-muội này ắt trang nghiêm Pháp Thân). Tiếp đó, nói rất hay, “*Pháp Thân tức bốn diệu minh tâm, tức thị tự tâm*” (Pháp Thân chính là tâm diệu minh vốn có, tức là tự tâm), đây là chân tâm của chính mình, chẳng phải là vọng tâm. Vọng tâm là A Lại Da. Trang nghiêm Pháp Tánh, ở đây là tự tâm, là Pháp Tánh, là tự tánh. Đức Phật nói ra mấy chục danh xưng, nhưng đều là một chuyện. Vì sao là một chuyện mà đức Phật nói nhiều danh xưng như vậy? Đây là sự khéo léo trong giáo học, đức Phật dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự, vì sao? Tướng danh tự là giả, chẳng thật. Quý vị chấp tướng danh tự thì sai mất rồi. Chớ nên chấp trước tướng danh tự. Chớ nên chấp trước tướng ngôn thuyết, ngôn thuyết cũng là giả, cũng chẳng thật. Trong những giả danh, giả tướng ấy, nếu quý vị có thể ngộ nhập nghĩa lý thật sự của chúng thì là đúng, đó mới là học Phật. Chấp trước giả danh, giả tướng là sai mất rồi, vĩnh viễn chẳng thấy tự tánh; ở đây, gọi tự tâm là tự tánh. “*Cố tri nhất thiết pháp, vô bất tưng thử pháp giới lưu xuất*” (Vì vậy biết, hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất), “*pháp giới*” là tự tánh, còn gọi là Pháp Tánh, cũng gọi là tự tâm, bốn diệu minh tâm, từ chỗ này lưu xuất, cuối cùng là như thế nào? “*Phục hựu hội quy thử pháp giới dã*” (rồi lại trở về pháp giới này), đến cuối cùng vẫn phải quy hoàn pháp giới này, trở về pháp giới ấy bèn thành Phật.

Trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, câu này đã được giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, vũ trụ do đâu mà có? Vạn sự vạn vật trong vũ trụ do đâu mà có? Buổi tối, chúng ta nhìn lên không gian, vô số các tinh hệ, tinh cầu do đâu mà có? Hiền Thủ quốc sư đã căn cứ trên những điều được dạy trong kinh Hoa Nghiêm, bảo chúng ta: Từ một Thể, Thể ấy là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Nói một danh từ dài như thế đó, đây là gì? Là tự tâm như chúng ta vừa mới học. Tự tâm là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Nói nhiều như thế, ý nghĩa trong ấy cũng rất phong phú; chúng ta nói “*tự tâm*” thì cũng chẳng dễ hiểu cho lắm. Tự tánh là tự tâm, trong tự tánh có trí huệ viên mãn, có đức năng viên mãn, đức năng là gì? Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Khi giác ngộ, khi minh tâm kiến tánh giác ngộ, nó liền hiện tiền, kiến văn giác tri hiện tiền. Nói thực tại là như trong phần trước đã nói, trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã bảo “*bỏ thức dùng căn*”, kiến văn giác tri là căn tánh của sáu căn, là chân tánh. Trong tự tánh có tướng hảo viên mãn; tướng hảo viên mãn là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, thấy đều trọn đủ. Do vậy, thứ gì nó cũng đều chẳng có, nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là



trình thân. Quý vị chẳng thể nói nó là Vô (không có gì), trong Phật pháp nói nó là Không, dùng Không để hình dung nó. Nó không hiển lộ, nhưng trọn đủ. Khi có duyên, nó có thể sanh ra vạn pháp, nó bèn hiện, bèn tỏ lộ. Vì vậy, khi nó chẳng hiện, không thể nói nó là Vô; [khi nó] hiện ra, chẳng thể nói nó là Hữu, vì sao? Cái hiện ra là huyền tướng, chẳng thật. Tôi vừa mới nói, hiện tượng được hiện ra đều là tướng sanh diệt. Tướng sanh diệt chẳng phải là thật, bất sanh, bất diệt là thật. Quý vị thấy các tướng được hiện há có phải là bất sanh, bất diệt? Toàn là tướng sanh diệt. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, chẳng sanh chấp trước đối với hết thảy các tướng cảnh giới, vì sao? Tướng là giả, nó không tồn tại, hễ quý vị chấp trước là trật rồi, không chấp trước là đúng. Có thể dùng nó, [nhưng phải là] diệu dụng, tức là tùy duyên diệu dụng. Diệu dụng là khi dùng bèn chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm động niệm, khởi tác dụng hoàn toàn giống như chư Phật Như Lai, đạo lý là như thế đó. Chúng ta chớ nên không biết điều này.

Quý vị thấy: Từ một Thể khởi hai tác dụng, một Thể là pháp giới này, từ pháp giới này mà lưu xuất. Vì sao có thể khởi hai tác dụng? Trong kinh giáo Đại Thừa thường nói “*nhất niệm bất giác*”. Nhất niệm bất giác thì trong tự tánh liền khởi tác dụng, biến thành A Lại Da, tức là vọng tâm. Thể của vọng tâm là chân tâm. Chẳng có chân tâm, vọng do đâu mà có? Giống như chúng ta đứng dưới mặt trời sẽ có bóng, bóng do đâu mà có? Bóng do người mà có, người là chân tâm, bóng là vọng tâm. Nhưng hình và bóng chẳng tách rời, vì sao? Chúng tách rời nhau, sẽ chẳng thể tồn tại. Chúng chẳng thể tách rời, nên nói “*chân và vọng như một*”; nhưng chúng là hai chuyện, chẳng phải là một chuyện, quý vị nhất định phải hiểu rõ ràng. Chúng ta mê là vì mê muội, không hiểu rõ, quên mất chân, ngỡ vọng là chân!

Sáu căn của mỗi người chúng ta đều có căn tánh, ai biết căn tánh của sáu căn? Đức Phật dạy, chúng ta mắt thấy, tai nghe, niệm thứ nhất là chân tâm, là kiến văn giác tri khởi tác dụng. Niệm thứ nhất quý vị còn chưa khởi niệm, ta nhìn, trông mắt nhìn, vẫn chưa có phân biệt, còn chưa có chấp trước, tâm giống một tấm gương, soi bên ngoài rành rẽ, chẳng khởi phân biệt. Niệm thứ hai liền dấy lên phân biệt, dấy lên phân biệt là trật rồi, đó là vọng tâm. Vọng tâm sẽ phân biệt, chấp trước. Phân biệt là thức thứ sáu, tức ý thức. Chấp trước là thức thứ bảy, nó khởi tác dụng. Chúng tử in dấu trong A Lại Da, nay chúng ta nói là “*lưu ấn tượng*”, ghi ấn tượng nơi kiến văn giác tri của quý vị. Ấn tượng ấy giống như được chép vào kho dữ liệu. A Lại Da là kho dữ liệu, vọng tâm khởi tác dụng, kho dữ liệu ghi lại ấn tượng, bèn gọi là Nghiệp. Nghiệp gặp duyên, quả báo liền hiện tiền. Vì vậy, niệm thứ nhất, một niệm bất giác chẳng có nguyên nhân. Niệm ấy có thật hay không? Chẳng thật, nếu là thật, nó sẽ có nguyên nhân thật sự, nhưng nó chẳng có nguyên nhân, nên chẳng thật; [do đó] gọi là vọng niệm, hoặc vọng tưởng. Phải chú ý chữ Vọng. Vọng là về căn bản chẳng có, dấy lên một niệm như thế. Nếu niệm ấy dừng lại, đình chỉ, bèn trở về tự tánh, lập tức trở về tự tánh. Nếu là từng niệm tiếp nối nhau, bèn chẳng thể quay về, nó liền lưu xuất. Từ pháp giới này lưu xuất cõi

Thật Báo. Từ cõi Thật Báo lại lưu xuất cõi Phương Tiện. Chư vị phải biết: Cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới. Từ cõi Phương Tiện lại lưu xuất cõi Phạm Thánh, cõi Phạm Thánh là lục đạo luân hồi, mê hết sức nghiêm trọng. Phật, Bồ Tát từ bi chỉ dạy, giúp chúng ta quay đầu, chúng ta từ lục đạo trở lại tứ thánh pháp giới, từ tứ thánh pháp giới lại trở về cõi Thật Báo, từ cõi Thật Báo lại trở về tự tánh, lại trở về chỗ phát xuất. Có người hỏi: Sau khi trở về, có thể mê nữa hay không, lại lưu xuất hay không, lại biến thành luân hồi ư? Đức Phật dạy: Vĩnh viễn sẽ không! Sau khi đại triệt đại ngộ, vĩnh viễn chẳng mê lần nữa. Trong kinh Lăng Nghiêm đã giảng vấn đề này rất rõ ràng. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa, kinh Lăng Nghiêm được gọi là “*khai huệ Lăng Nghiêm*”, nghĩa là kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, “*thành Phật Pháp Hoa*”. Hai bộ kinh ấy cũng hết sức nổi tiếng trong Đại Thừa. Từ pháp giới lưu xuất, là từ tự tánh lưu xuất; cuối cùng, vẫn trở về tự tánh, trở về tự tánh liền viên mãn thành Phật.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, tức là đoạn Tổng Trì. Tổng Trì là đà-la-ni, tiếng Phạn là Đà-la-ni, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, [hàm ý] bao gồm hết thảy các pháp, nắm giữ hết thảy các nghĩa. Nếu nói thông thường, quý vị nắm được tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, bèn gọi là Tổng Trì. “*Cụ túc giả, sở cụ mãn túc, cái vân nhất thiết đà-la-ni môn vô sở bất cụ dã*” (“cụ túc” là đầy đủ, trọn vẹn, ý nói: Hết thảy các đà-la-ni, không môn nào chẳng đầy đủ). Tôn giả A Nan đắc Văn Trì đà-la-ni, đắc pháp môn Tổng Trì này, đối với hết thảy các kinh do đức Phật đã nói, dầu Ngài chưa nghe, nhưng vừa tiếp xúc đều hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ. Từ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta cũng thấy, khi Huệ Năng đại sư khai ngộ cũng đạt được [Tổng Trì]. Chúng ta biết: Huệ Năng đại sư chưa từng đi học, không biết chữ, hai mươi bốn tuổi khai ngộ, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn bèn truyền y bát cho Ngài. Vì sao chúng ta biết Ngài đắc đà-la-ni? Từ những ghi chép trong Đàn Kinh, chúng ta có thể thấy. Khi Ngài lánh nạn, trên đường qua thôn Tào Hầu, gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Đó là lúc Ngài vừa mới nhận được y bát, Ngài bèn trốn đi, giữa đường gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Vị tỳ-kheo-ni này thọ trì kinh Đại Niết Bàn, cũng là hằng ngày đọc tụng, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài! Cổ nhân khó có; vì thế, người hiện thời chẳng bằng cổ nhân, từ chỗ này, ta thấy được thiện căn của cổ nhân, ni sư thật sự hành! Kinh Đại Niết Bàn phân lượng rất lớn, hiện thời từ Đại Tạng Kinh, quý vị có thể thấy kinh ấy có hai bản dịch, một bản gồm ba mươi sáu cuốn, bản kia gồm bốn mươi cuốn. Do vậy, kinh rất dài, nhưng bà ta niệm hằng ngày. Thuở ấy, Huệ Năng đại sư mang thân phận cư sĩ, chưa xuất gia, người bên ngoài đều chẳng nhận biết Ngài. Ni sư niệm kinh ở đó, Ngài ở bên cạnh nghe. Sau khi niệm một đoạn, bà ta ngừng lại, Huệ Năng đại sư liền giảng cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng đại ý của đoạn kinh văn Ngài vừa nghe niệm. Bà ta nghe xong, hết sức kinh ngạc, Ngài giảng hay quá, bèn cầm kinh bôn hướng về Ngài thỉnh giáo. Huệ Năng đại sư nói: “Ta không biết chữ”. Bà ta hỏi: “Ngài không biết chữ, vì sao giảng hay dường ấy?” Ngài đáp: “*Chuyện này chẳng liên quan đến biết chữ hay không biết chữ*”. Đắc đà-la-ni, sẽ nắm được tổng cương lĩnh thuyết pháp của hết thảy chư Phật, nên bất luận kinh giáo

gì, Ngài vừa nghe liền hiểu toàn bộ. Không chỉ là hiểu Phật pháp, mà pháp thế gian thứ gì cũng đều hiểu rõ, chẳng có gì Ngài không hiểu. Vì đó là tự tánh của quý vị, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh của quý vị khởi tác dụng, đạo lý là như vậy đó!

Pháp môn Đại Tổng Trì, hết thầy chúng sanh ai nấy đều có. Chỉ vì chúng ta đang mê, cũng có thể nói là lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, lập tức tiếp theo sẽ là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, cùng nhau dấy lên. Vì vậy, trí huệ và đức tướng trong tự tánh đều không thể hiện tiền. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất dễ hiểu, phàm phu thành Phật phải mất bao lâu? Trong một niệm! Một niệm giác, phàm phu bèn thành Phật. Một niệm mê, quý vị bèn thành phàm phu, chuyện là như vậy đấy! Giác là gì? Buông xuống liền giác. Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống liền giác, quý vị và hết thầy chư Phật chẳng khác gì nhau! Vì sao không chịu buông xuống? Chúng ta thường nói là “nghiệp chướng”, phiền não tập khí quá nặng! Câu nói ấy đúng lắm, nghe hợp lý! Chúng ta mê đã lâu, mê quá sâu, đức Phật chỉ điểm rạch ròi, nhưng chúng ta chẳng có năng lực quay đầu. Muốn quay đầu, nhưng không quay về được! Nói thật ra, thưa ấy, Chương Gia đại sư đã từng nhắc nhở tôi về chuyện này. Tôi đã cùng lão nhân gia thảo luận vấn đề sau đây; đó là một vấn đề trọng yếu trong triết học: “Rốt cuộc là biết khó, hành dễ, hay là biết dễ, hành khó?” Thầy bảo tôi: “*Phật pháp là biết khó, hành dễ*”. Nói chung, chúng tôi cảm thấy: Biết chẳng khó, quý vị vừa nói, tôi hiểu ngay, nhưng hành quá khó, vì sao tôi không thể buông xuống? Vì sao chẳng chuyển được? Thầy nói: “*Anh chẳng hiểu biết thật sự! Nếu anh thật sự biết, sẽ buông xuống ngay!*” Câu ấy khiến tôi chới với, chúng ta biết gì? Hiểu biết nửa vời, biết chẳng thấu triệt, biết chẳng viên mãn. Thật sự biết thấu triệt, há lẽ nào chẳng buông xuống được? Thầy nêu tỷ dụ để giảng cho tôi dễ hiểu. Thí dụ như chúng tôi ngồi ở cái bàn này, thầy nói: “Ở trên cái bàn này đặt một đồng vàng, bên kia đặt một đồng đồng thau. Nay muốn tặng cho anh một trong hai thứ ấy, anh hãy tự chọn lựa, anh chọn vàng hay đồng thau? Đương nhiên muốn lấy vàng, vì sao? Anh biết nó có giá trị rất cao, nên chọn lấy. Làm như vậy tức là anh đã Thủ (giữ lấy), rất dễ dàng. Anh biết thứ ấy là quý báu, rất hiếm có”. Thầy bảo tôi: “*Phật pháp là biết khó, hành dễ*”.

Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm là “*biết khó*”. Thành Phật rất dễ dàng, như tôn giả Ca Diếp [chẳng hạn], Thích Ca Mâu Ni Phật cầm cành hoa mỉm cười. Khi tôn giả Ca Diếp thấy Thích Ca Mâu Ni Phật cầm cành hoa, bèn nhìn Phật cười, Thích Ca Mâu Ni Phật liền truyền pháp cho Ngài, Ngài đã khai ngộ rồi! Do vậy, chúng ta thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư ở trong phương trượng thất, nghe lão hòa thượng giảng đại ý kinh Kim Cang, Ngài chẳng biết chữ, chắc chắn chẳng có kinh bản, giảng đến câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài liền đại triệt đại ngộ. Chẳng cần giảng nữa! Không chỉ kinh Kim Cang chẳng cần giảng, mà tất cả hết thầy các kinh Ngài đều hiểu toàn bộ, đó chẳng phải là “*một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông*” ư? Phật pháp đã thông đạt, pháp thế gian cũng thông đạt, quý vị nói có dễ dàng lắm hay không? Vì thế, một câu Khẩu Đầu Thiên trong Tông Môn là “*hiểu*

không?” Chữ Hiểu ấy tuyệt diệu tốt bậc! Hễ hiểu, quý vị liền khai ngộ. Chẳng hiểu thì vẫn mê hoặc. Do vậy, hễ buông xuống liền hiểu, khó ở chỗ chúng ta không buông xuống được. Không buông xuống được là gì? Những gì đức Phật đã giảng đều là giả, nhưng chúng ta vẫn coi là thật; do chẳng coi nó là giả, vẫn y như cũ coi là thật, nên chẳng buông xuống được!

Người có thể buông xuống những thứ ấy, thật sự thấy chân là giả, chẳng coi thân thể là thật, đó là cửa ải đầu tiên. Cửa ải đầu tiên là thân, tức Thân Kiến. Quý vị thấy [trong việc] đoạn phiền não, đức Phật xếp thứ này đầu tiên, Thân Kiến! Thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Kiến Thủ Kiến, [thứ tư là] Giới Thủ Kiến, và [thứ năm là] Tà Kiến; trước hết, buông những thứ ấy xuống. Buông năm thứ kiến giải sai lầm xuống, trong Phật pháp, quý vị được gọi là “*nhập môn*”, là đệ tử thật sự của Thích Ca Mâu Ni Phật. Hễ buông năm cách nhìn sai lầm ấy xuống, bèn là học trò lớp dự bị trong ngôi trường của Thích Ca Mâu Ni Phật, chưa phải là học trò chánh thức, buông xuống [toàn bộ Kiến Tư Hoặc] mới là chánh thức. Địa vị Sơ Tín trong Thập Tín Vị Bồ Tát của kinh Hoa Nghiêm đã buông xuống; tuy địa vị ấy rất nông cạn, giống như lớp Một Tiểu Học, nhưng chúng ta chớ nên xem thường họ. Họ là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Tuy họ còn ở trong lục đạo, chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, người ta có bản lãnh ấy! Trong lục đạo, qua lại tới đa bẫy lần trong cõi trời hay nhân gian, liền vượt thoát lục đạo luân hồi. Người ta đã học lớp Một, chẳng lui sụt, chỉ có tiến cao hơn. Bảy lần qua lại bèn học tới lớp Bảy, lớp Bảy là A La Hán, lớp Tám là Bích Chi Phật, lớp Chín là Bồ Tát, lớp Mười bèn thành Phật, họ là Phật [trong mười pháp giới], được bảo đảm. Bất quá, tốc độ tiến triển của mỗi người khác nhau. Có người lợi căn, tốc độ tiến triển nhanh chóng. Có người căn tánh chậm lụt hơn một chút, tốc độ tiến triển khá chậm, nhưng họ tuyệt đối chẳng thoái chuyển, chúng đắc Vị Bất Thoái. Nay chúng ta ngay cả địa vị thánh chúng nhỏ nhoi ấy vẫn chẳng đạt được, nguyên nhân là vẫn chưa thấy thấu suốt Thân Kiến, cửa ải đầu tiên khó nhất. Sau khi phá được cái ải này, những ải sau đó liền dễ dàng. Biên Kiến, nếu nói theo cách bây giờ, sẽ là chẳng còn có quan niệm đối lập nữa! Chúng ta đối lập với kẻ khác, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật, đó là quan niệm sai lầm. Đối lập nếu nâng cao hơn, chúng ta nói là “*có mâu thuẫn*”. Mâu thuẫn nếu nâng cao hơn bèn có xung đột. Xung đột lại nâng cao hơn nữa, sẽ là đấu tranh. Đấu tranh nếu nâng cao hơn nữa thì là chiến tranh. Vì thế, rất nhiều phiền não, tai nạn có cội nguồn là do đối lập mà ra. Chẳng có đối lập sẽ hòa hài, thật sự hòa hài, bình đẳng đối đãi, cư xử hòa thuận. Do vì đối lập, họ biết đây là chuyện tốt đẹp, nhưng vẫn chẳng làm được, bị quan niệm sai lầm quấy phá, tạo thành chướng ngại.

Tiếp đó nói: “*Đà-la-ni hữu tứ chúng*” (Đà-la-ni có bốn thứ), kinh giáo thường nói như vậy. Thứ nhất, “*Pháp đà-la-ni, hựu danh Văn đà-la-ni, v Phật chi giáo pháp văn trì nhi bất vong dã*” (Pháp đà-la-ni, còn gọi là Văn đà-la-ni, đối với giáo pháp của Phật, nghe rồi vâng giữ chẳng quên). Đây là loại thứ nhất. Tôn giả A Nan đắc Văn Trì chẳng quên, nên kết tập Kinh Tạng, mọi người đều tôn sùng A Nan, Ngài nhắc lại lần nữa các

kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng thuở tại thế. Năm trăm vị đồng học, các vị ấy đều là A La Hán, năm trăm vị A La Hán làm chứng cho Ngài, nghe Ngài nói. Nếu có chỗ nào nói sai, sẽ nêu ra, câu ấy của A Nan phải gạt bỏ, vì có người phản đối. A Nan phước giảng (trùng tuyên), năm trăm người đều chấp thuận, đều đồng ý, mới ghi chép lại, cách làm này khiến cho người đời sau sanh tín tâm đối với kinh điển. Vì thế, ngài A Nan mở đầu [bằng câu]: “*Như thị ngã văn*”, nói rõ những điều được nói sau đó hoàn toàn do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, tôi đích thân nghe Thích Ca Mâu Ni Phật nói, giữ chữ Tín với đời sau. Đó cũng là như người Hoa nói “có trí nhớ mạnh mẽ”, học rộng, nhớ dai, trí nhớ tốt, sau khi Ngài nghe xong, có thể ghi nhớ. Ngài A Nan thật khó có, nghe xong, vĩnh viễn chẳng quên mất, phàm nhân chúng ta chẳng thể! Thuở tôi còn trẻ, cũng có năng lực nghe rộng, nhớ dai, đại khái là trước năm bốn mươi tuổi. Sau bốn mươi tuổi, dần dần thoái hóa, năng lực ấy dần dần kém hẳn. Khi tôi theo thầy Lý học Giáo, năng lực ấy rất mạnh, gần như tôi nghe lão nhân gia giảng kinh một giờ, tôi phước giảng, tức là giảng lặp lại một lần, tôi có thể giảng tối thiểu chín phần mười, có năng lực ấy. Hơn nữa, có thể ghi nhớ không quên, có thể nhớ suốt một tuần, trong vòng một tuần tôi có thể giảng tới chín phần mười. Do vậy, thuở ấy học kinh giáo cũng rất thuận tiện, tiến bộ hết sức mau, đúng là “pháp hỷ sung mãn”.

Thứ hai là “*Nghĩa đà-la-ni, u chư pháp chi nghĩa tổng trì nhi bất vong dã*” (Nghĩa đà-la-ni, đối với ý nghĩa của các pháp bèn tổng trì chẳng quên). Loại trước là nhớ kỹ mỗi câu, là nói đến giáo, giáo pháp; ở đây là nói tới lý luận, nghĩa lý. Phía trước là trí nhớ mạnh mẽ, ở đây là sức lý giải mạnh mẽ. Thật sự nghe hiểu, thật sự minh bạch. Đối với nghĩa lý bèn hiểu rõ, tổng trì, chẳng quên. Trong một thời gian dài, có thể nói là suốt đời chẳng quên mất. Thời gian nhớ ngôn ngữ sẽ ngắn hơn.

Thứ ba, “*Chú đà-la-ni, u chú tổng trì nhi bất vong dã*” (Chú đà-la-ni, tổng trì các chú chẳng quên mất). Chú tương đối khó nhớ hơn, vì sao? Rất nhiều chú không phải là ngôn ngữ trong nhân gian. Theo cách nói của chúng ta trong hiện thời, chú là ngôn ngữ ngoài không gian, thuộc về chiều không gian khác, chúng ta thường nói là “ngôn ngữ của thần linh”. Khi đức Phật giảng kinh, họ cũng đến nghe. “*Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loại đều hiểu*”. Do vậy, đức Phật thuyết pháp chẳng có chướng ngại, bất luận kẻ nào đến nghe, đều nghe thấy đức Phật nói bằng ngôn ngữ của chính mình, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật có năng lực ấy, nhưng đức Phật rất từ bi, thấy [trong thính chúng] có những chúng sanh chúng ta không nhìn thấy, đức Phật giảng nói xong, dùng ngôn ngữ của họ nói mấy câu. Tuy nói mấy câu, không nhiều lắm, nhưng đã nêu hết những cương lĩnh và nguyên tắc trọng yếu mà đức Phật đã giảng trong bộ kinh này. Do những câu ấy chẳng phải là ngôn ngữ trong nhân gian, người Ấn Độ nghe cũng không hiểu. Đó là đối với mật chú [mà nói]. Chúng ta hiểu: Những vị đại đức tu Mật Tông cũng chẳng phải là có thể thành tựu ngay trong một đời. Sự thật này khiến cho chúng ta liễu giải: Bất cứ ai, bất luận quý vị học pháp môn nào, pháp thế gian hay Phật pháp, đều là nhiều đời nhiều kiếp tích lũy trí huệ, kỹ thuật,

nên quý vị mới có thể thông thạo, mới có thể có thành tựu rất thù thắng, chẳng phải là một đời, mà đều là đời đời kiếp kiếp tích lũy. Cùng một đạo lý như vậy, trong đời này, sự phú quý bản tiện của mỗi người đều do quả báo. Quả ắt có nhân, nhân đều do đời trước tích lũy. Mỗi người có thành tựu đặc thù hoặc có công hiến đặc thù trên một phương diện nào đó, nếu chẳng tích lũy từ năm đời trở lên, họ chẳng thể đạt tới thành tựu này. Qua Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, chúng ta thấy câu chuyện của Ngô Đạt quốc sư, Ngài được coi là một vị xuất gia có thành tựu, làm thầy của đế vương, được phong làm Quốc Sư. Trong Từ Bi Thủy Sám, tôn giả Ca Nặc Ca nói nhân duyên của Sư. Sư tu hành mười đời, lại còn là mười đời liên tiếp, mười đời đều được làm người, đều xuất gia, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Do vậy, chúng ta hiểu: Người trong thế gian địa vị càng cao, thời gian tu hành càng lâu. Tu tốt đẹp mới có thể đạt được, chẳng phải là người bình phàm có thể đạt được, của cải cũng do nhiều đời nhiều kiếp tu được, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, chúng ta sẽ chẳng hâm mộ những người phú quý, vì sao? Người ta trong đời quá khứ tu hành tốt đẹp, ngày nay quả báo hiện tiền. Chúng ta nếu muốn giống như họ, hãy khéo hành, chúng ta có thể tích lũy, nói không chừng đời sau còn thù thắng hơn họ, đó là đạo lý nhất định. Nhưng học Phật phải giác, chớ nên mê, học Phật cầu vinh hoa phú quý trong lục đạo, đó là mê chứ chẳng giác. Quý vị địa vị cao, của cải to lớn, rất dễ tạo nghiệp. Nếu trong đời này, quý vị mê trong ngũ dục, lục trần, khẳng định đời sau quý vị bị đọa lạc. Sai mất rồi! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, quý vị thấy Ngài sanh trong nhà đế vương, vứt bỏ ngôi vua. Ngôi vua là thứ mọi người ắt tranh giành; người Trung Quốc nói: *“Thiên tử sang quý, giàu khắp bốn biển”*, phú quý tột đỉnh, đó là làm Hoàng Thượng. Đức Phật đã có ngôi vua trong tay, nhưng từ bỏ. Quý vị thấy Ngài lợi hại lắm, mười chín tuổi liền từ bỏ, bỏ ngôi vua, đi ra ngoài học đạo. Ba mươi tuổi thành đạo, đại triệt đại ngộ thành đạo; sau khi thành đạo, suốt đời giáo học giống như Không lão phu tử. Nhưng Không lão phu tử còn thu một chút học phí, đức Phật chẳng thu học phí. Mỗi ngày đi khát thực, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, sống cuộc đời của một vị Tăng khổ hạnh. Đó là biểu diễn cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta suy nghĩ, vì sao Ngài chọn lựa [con đường] ấy? Nhất định còn cao minh hơn làm quốc vương! Làm quốc vương, rất ít kẻ không thoái đọa, rất ít, đó là gì? Các vị “cổ thánh tiên vương” như người Trung Quốc đã nói, tuy làm quốc vương nhưng chẳng thoái đọa, giống như Nghiêu, Thuần, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công trong lịch sử Trung Quốc, đó là quốc vương thánh hiền. Những vị ấy đời sau có thể sanh lên trời làm thiên vương, họ thăng lên cao, chẳng bị đọa lạc, họ làm quá nhiều chuyện tốt, đúng là vì nước, vì dân, chẳng vì chính mình, chẳng biết đến chính mình. Sau Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, chưa từng nghe nói có những vị thánh vương như vậy. Vì thế, những điều này đều đáng cho chúng ta suy nghĩ sâu xa, đáng cho chúng ta học tập. Nay chúng tôi mới thật sự hiểu rõ, con đường tu học Phật pháp là đại đạo quang minh thù thắng khôn sánh.

Đặc biệt là Tịnh Tông dạy chúng ta không chỉ có thể vượt thoát lục đạo trong một đời này, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Nhất là bộ kinh này bảo đảm chúng ta trong một đời có thể sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Đền Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng giống như là nói đảm bảo quý vị chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo ngay trong một đời, trong tất cả các pháp môn, chẳng tìm thấy pháp thứ hai! Chúng ta phải thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, đối với chính mình, [quả thật là] hết sức may mắn, đời này đúng là khó có, thật sự chẳng dễ dàng!

Chúng ta lại thấy phía dưới còn có giải thích, giải thích về chú ngữ. “*Chú giả, Phật, Bồ Tát từ trong Thiên Định sở phát chi bí mật ngôn cú, hữu bất trắc chi thần nghiệm, danh vi Chú đà-la-ni*” (Chú là câu nói bí mật, có oai lực thần dị khôn lường do Phật, Bồ Tát từ trong Thiên Định phát ra, nên gọi là Chú đà-la-ni), đây là nói về thần chú. Trong đoạn trước, tôi đã nói thần chú là ngôn ngữ của quý thần, đó là một loại. Ở đây nói [tới một loại khác], không phải là ngôn ngữ của quý thần, mà là những câu nói bí mật của chư Phật, Bồ Tát từ Thiên Định rất sâu phát ra, chỉ có Phật, Bồ Tát biết, giống như là mật mã của các Ngài. Có thể giao tiếp với chư Phật, Bồ Tát, trong một thời gian rất ngắn có thể chuyển giao tin tức không ngần ngại, nội dung bao hàm hết sức phong phú, phàm phu chúng ta chẳng thể tưởng tượng được! Do vậy, có oai lực thần dị khôn lường nổi, chẳng có cách nào tưởng tượng loại cảm ứng ấy. Đó là Chú đà-la-ni. “*Nghĩa phiên chi danh, hữu tứ*” (dịch theo ý nghĩa, thành ra bốn tên), tức là nói đến Chú thì Chú có bốn ý nghĩa. Thứ nhất là Minh (明), thứ hai là Chú (咒), thứ ba là Mật Ngữ (密語), thứ tư là Chân Ngôn (真言). Đây đều là những tên gọi khác của Chú, là tên riêng của Đà-la-ni. “*Bí Tạng Ký vân: Phàm phu Nhị Thừa bất năng tri, cố viết Mật Ngữ*” (Bí Tạng Ký<sup>2</sup> chép: “Phàm phu, Nhị Thừa đều chẳng thể biết, nên nói là Mật Ngữ”), cũng chẳng có giải thích. “*Như Lai ngôn chân thật vô hư vọng, cố viết Chân Ngôn*” (Chân ngôn của Như Lai chân thật, chẳng hư vọng, nên gọi là Chân Ngôn). Trên thực tế, Chú vẫn có ý nghĩa, nhưng Thượng Sư Mật Giáo không giảng cho quý vị, chỉ dạy quý vị niệm. Đây cũng là một pháp môn rất thù thắng trong Phật pháp. Vì sao? Nếu giảng cho quý vị, quý vị liền phân tâm. Chẳng giảng cho quý vị, do không biết ý nghĩa, quý vị một mực niệm là được rồi, dễ đắc tam-muội, dễ đắc Định. Định có thể khai trí huệ, đó cũng là pháp môn rất xảo diệu.

Nhưng gặp phải căn tánh giống như tôi thì không được! Nếu tôi không hiểu ý nghĩa, tôi không chịu học, có sự chấp trước như thế, đó là tội xấu của thành phần tri

---

2 Bí Tạng Ký là tác phẩm giảng về giáo nghĩa Mật Giáo do sơ tổ Đông Mật Nhật Bản là Hoàng Pháp Không Hải đại sư biên soạn, ghi lại những lời dạy khẩu truyền của tổ Huệ Quả thuộc Đông Mật Trung Hoa giảng về các pháp tắc thực hiện nghi lễ Mật Tông cũng như những giáo nghĩa bao hàm trong ấy. Hiện thời, sách này có hai phiên bản, tức là Lược Bản một quyển và Quảng Bản gồm hai quyển.

thức. Do vậy, thườ ậy, tôi theo Chương Gia đại sư học Phật pháp, Ngài cũng dạy một bài chú, bảo tôi niệm. Bài chú ậy rất thông dụng, rất phổ biến, người theo Mật Giáo đều biết niệm, tức là Lục Tự Đại Minh Chú của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài dùng tiếng Tây Tạng dạy tôi, niệm “*Án, ma-ni bát-mê hồng*”, tôi liền hỏi lão nhân gia [bài chú ậy] có nghĩa là gì? Ngài liền giảng cho tôi, thông thường Ngài chẳng giảng, Ngài dạy tôi ý nghĩa khiến cho tôi hết sức hoan hỷ. “*Án*” (Aum) là thân thể, Ngài giải thích từng chữ một. “*Ma-ni*” (Maṇi) là hoa sen, “*Bát-mê*” (Padme) là gìn giữ, “*Hồng*” (Hūm) là ý. Quý vị thấy “*thân, hoa sen, gìn giữ, ý*”, đó là ngữ pháp Ấn Độ. Nếu đọc theo người Trung Quốc sẽ là “*Gìn giữ thân tâm (ý là tâm) giống như hoa sen*”, Ngài giải thích cho tôi như vậy. Ý nghĩa này hay lắm, khiến cho quý vị thời thời khắc khắc nghĩ tưởng, gìn giữ thân tâm giống như hoa sen, sanh từ bùn lầy, nhưng chẳng như bản, mang ý nghĩa này! Bùn lầy tượng trưng cho lục đạo, hoa sen và nước tượng trưng tứ thánh pháp giới, tức là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới. Hoa nở trên mặt nước, cho thấy nhiễm và tịnh thủy đều chẳng nhiễm. Không chỉ lục đạo bất nhiễm, mà pháp giới thanh tịnh cũng chẳng nhiễm, đó là tịnh chân thật! Vì thế, trong chú ngữ có rất nhiều điều vẫn cần phải nói. Nói ra, sẽ giúp cho người ta tu hành. Tu hành trong Mật Tông nhân mạng Tam Mật Tương Ứng, [tức là] miệng niệm chú, tay kết ấn, trong tâm quán tưởng. Nếu quý vị không hiểu ý nghĩa, chẳng có cách nào quán tưởng. Khi không có cách nào quán tưởng, họ quán tưởng gì? Quán tưởng một câu chú ngữ ậy, họ nghĩ đến câu ậy, nhưng ý nghĩa của chú ngữ thì không biết. Giống như chúng ta hiện thời niệm A Di Đà Phật, trong tâm chúng ta nghĩ đến A Di Đà Phật, có ý nghĩa như vậy. Do vậy, sau khi thầy truyền dạy chú ngữ ậy, tôi mới hiểu: Trong chú ngữ có rất nhiều điều thật sự giống như cái mà chúng ta gọi là “*cách ngôn*”, quá hay! Thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình.

Ý nghĩa thứ tư là “*Nhẫn đà-la-ni, an trụ u pháp chi Thật Tướng, vị chi Nhẫn. Trì Nhẫn danh vi Nhẫn đà-la-ni*” (Nhẫn đà-la-ni: An trụ trong Thật Tướng của pháp bèn gọi là Nhẫn. Giữ cái Nhẫn đó thì gọi là Nhẫn đà-la-ni). Trong giáo pháp Đại Thừa, Nhẫn có ý nghĩa khẳng định, thừa nhận, nên nói “*nhẫn khả*” (忍可), có nghĩa là “*đồng ý*”. Đối với kinh giáo và giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, có thể hiểu rõ, có thể khẳng định, chẳng hoài nghi, hành theo lời dạy, đó là Nhẫn. Ở đây nói “*an trụ u pháp chi Thật Tướng*”, câu này nói rất cao. Thật Tướng là gì? Thật Tướng là pháp tánh, tướng là giả, tánh là chân. Ví như trong phần trước, chúng ta dùng những lời đức Thế Tôn dạy vua Ba Tư Nặc trong kinh Lăng Nghiêm nhằm khiến cho vua đừng chấp trước nhục thân này. “*Căn thân*”: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân là Căn Thân; chớ nên chấp trước những thứ ậy, phải an trụ trong căn tánh của sáu căn, căn tánh là Thật Tướng. Thân thể của mỗi người chúng ta là giả tướng, căn tánh của sáu căn là Phật tánh, chẳng phải là linh hồn! Căn tánh và linh hồn có gì khác nhau? Đồng mà bất đồng, bất đồng mà đồng. Mê thì gọi là linh hồn, chẳng mê bèn gọi là tánh, là cùng một chuyện. Sau khi chúng ta đã giác, thường gọi nó là “*linh tánh*”, chẳng gọi là “*linh hồn*”, mà gọi là “*linh tánh*”. Linh hồn chẳng thoát khỏi lục đạo, vì nó mê, nó luôn đi tìm cái thân trong lục đạo, đi



đầu thai, đó là lục đạo luân hồi. Nó giác ngộ, A La Hán giác ngộ, buông xuống chấp trước, mà cũng chẳng chấp trước thân thể này, biết thân thể chẳng phải là Ngã, căn tánh trong lục căn nơi thân thể là Ngã, sáu thức không phải là Ngã! Chấp trước sáu thức, đó là linh hồn, tưởng sáu thức là Ngã. Triết gia ngoại quốc đã nói: *“Tôi suy nghĩ, nên tôi tồn tại”*. Đó là chấp trước linh hồn, người ấy chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì sao? *“Tôi nghĩ”* thì Nghĩ là gì? Thức thứ sáu, tức ý thức. Người ấy biết thân chẳng phải là Ta, Ta có thể suy tưởng, đó là ta, cái có thể suy nghĩ chính là ta! Thân chẳng phải là ta, cao minh hơn những kẻ bình phàm một bậc, rất khó có, nhưng không thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Do vậy, an trụ trong Thật Tướng của pháp là đúng. Trong hết thảy vạn vật, an trụ trong Pháp Tánh; nơi thân thể chúng ta, bèn an trụ trong tự tánh của chúng ta, hoặc là [an trụ trong] căn tánh của sáu căn thì đúng. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Lìa hết thảy tướng, tức là hết thảy tánh”*. Chỉ cần chẳng chấp tướng, chẳng chấp trước thân tướng của chính mình, đối với vạn vật cũng chẳng chấp trước hình tướng của chúng, biết chúng đều do một “tự tánh thanh tịnh viên minh thể” biến hiện. Ở đây, “tự tánh thanh tịnh viên minh thể” được gọi là “Thật Tướng của các pháp”. Chúng ta giữ cho tâm an trụ nơi đây thì gọi là Nhẫn. *“Trì nhẫn”*, *“trì”* là gìn giữ vĩnh viễn, đó cũng là tam-muội. Tâm quý vị định ở chỗ này, bèn gọi là Nhẫn đà-la-ni. Đà-la-ni hễ đắc liền vĩnh viễn đắc, chẳng giống như tam-muội! Tam muội có thể mất đi, chứ đà-la-ni chẳng bị mất. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!